

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Bà Trần Thị Sang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Sơn Thị Hồng Nhân là thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Rạch G, xã Long H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có ý kiến: Bà với ông D trước khi tiến đến hôn nhân cả hai có tìm hiểu nhau trước được một khoảng thời gian thấy hợp nhau nên hai người cùng về sống chung nhà vào khoảng năm 1990-1991, không có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông D về sống chung bên nhà ông D tại ấp Rạch G, xã Long H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng bà làm nghề đóng đày ngoài sông lớn để đánh bắt cá thiên nhiên sống qua ngày. Hai người sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

ông D thường xuyên đi uống rượu, rồi ghen tuông vô cớ, về nhà cự cãi với bà và đánh đập bà rất nhiều lần, nhưng do bà vì con bà phải sống cam chịu, nhưng đỉnh điểm nhất là cách nay 03 năm ông D thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, về đến nhà thì đánh đập vợ con, nên bà không sống chung được nữa và bà đã dẫn các con đi nơi khác sinh sống và cả 03 năm nay bà với ông D đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay bà M xét thấy không còn tình cảm gì với ông D, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Tất cả có 06 người con là Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1992, Nguyễn Văn Linh T, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Lệ Tr, sinh năm 1996, Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 2000, Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, còn những người con khác thì đã trưởng thành, bà không yêu cầu gì.

Về tài sản, nợ chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Văn Trọng Ph trình bày ý kiến: Nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị M, riêng về cháu Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 bẩm sinh bị bệnh kém phát triển nên không có ý kiến.

Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa hai lần nhưng ông D vẫn không đến theo triệu tập của Tòa án, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bản thân đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án cũng không gửi văn bản nêu rõ ý kiến là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà M và ông D qua tìm hiểu nhau được một thời gian và tự nguyện về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà M và ông D phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà Nguyễn Thị M với ông Nguyễn Văn D không phải là vợ chồng.

Về con chung có tất cả có 06 người con là Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1992, Nguyễn Văn Linh T, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Lệ Tr, sinh năm 1996, Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 2000, Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008. Cháu Phtrên 07 tuổi có nguyện vọng được sống chung với bà M, cháu Như Ph bị bệnh không cho được ý kiến muốn chung sống với cha hay với mẹ, tuy nhiên xét thấy từ ngày bà M, ông D ly thân đến nay cháu Như Ph vẫn do bà M trực tiếp chăm sóc, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Như Ph, cháu Ph nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, nợ chung bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Văn D, trú tại ấp Rạch G, xã Long H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bà M yêu cầu được con chung là Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn D, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ hai lần nhưng ông D vẫn không có mặt tham dự phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án. Nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại 207, 208, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 1990-1991 bà M và ông D quen nhau và tự nguyện về sống chung bên nhà của ông D, không có tổ chức lễ cưới, không có

đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây không phải là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung bà M và ông D có nhiều mâu thuẫn dẫn đến phải ly thân đến nay đã hơn 03 năm không thể hàn gắn. Theo chính quyền địa phương cho biết việc mâu thuẫn giữa bà M và ông D là có thật, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

Về con chung bà M, ông D có với nhau tất cả có 06 người con là Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1992, Nguyễn Văn Linh T, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Lê Tr, sinh năm 1996, Nguyễn Thị Lê H, sinh năm 2000, Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Phcó nguyện vọng được sống chung với bà M, cháu Như Ph mặt dù đã trên 07 tuổi nhưng bị bệnh không cho được ý kiến muốn chung sống với cha hay với mẹ, tuy nhiên xét thấy từ ngày bà M, ông D ly thân đến nay cháu Như Ph vẫn do bà M trực tiếp chăm sóc, theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tư chị ông D hiện ông D bị bệnh không có khả năng tạo ra thu nhập, nên để bảo đảm quyền lợi của cháu Ph và cháu Như Ph, nên chấp nhận yêu cầu của bà M giao cháu Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, mặt dù trong quá trình giải quyết Thẩm phán có giải thích bà M có quyền yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà M vẫn không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Như Ph, cháu Phnên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, nợ chung bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Không công nhận bà Nguyễn Thị M với ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Như Ph, sinh năm 2003 và Nguyễn Văn Trọng Ph, sinh ngày 19/01/2008, Hội đồng xét xử không xét đến.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con

4/ Về tài sản, nợ chung: Bà Nguyễn Thị M trình bày không có, nên không xem xét

5/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005106 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân – Trần Thị Sang

Nguyễn Phú Hiệp